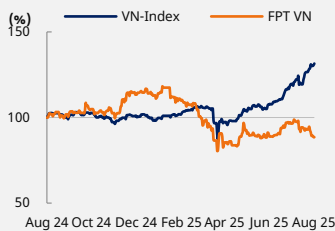


(Duy trì) **Tăng Tỷ Trọng**

Giá mục tiêu (VND)	▲ 117,048
Giá hiện tại (08/19/25, VND)	100,500
Lợi nhuận kỳ vọng	16.4%

LNTT (25F, tỷ đồng)	13,134
LNTT đồng thuận (25F, tỷ đồng)	N/A
Tăng trưởng EPS (25F, %)	2.5
Tăng trưởng EPS của Index (25F, %)	N/A
P/E (25F, x)	19.4
P/E Index (x)	13.6
VN-Index	1,597
Vốn hóa (tỷ đồng)	171,253
SLCP DLH (triệu cổ phiếu)	1,704
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	79.2
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	39.1
Beta (12T)	1.0
Thấp nhất 52 tuần (đồng)	85,043
Cao nhất 52 tuần (đồng)	135,652

(%)	1T	6T	12T
Tuyệt đối	-8.3	-19.2	-11.4
Tương đối	-18.3	-46.6	-42.0



Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

Tôn Đạt Quân

quan.td@miraeeasset.com.vn

Công ty CP FPT

Thích ứng trong giai đoạn tăng trưởng mới

FPT đã điều chỉnh giảm kế hoạch tăng trưởng cơ sở 2025 xuống 15% doanh thu và 18–19% lợi nhuận (so với 20%/21% tại ĐHCĐ).

Tính đến tháng 7/2025, công ty ghi nhận doanh thu 38.091 tỷ đồng (+11,2% svck) và LNTT 7.196 tỷ đồng (+18,4% svck), tương ứng biên LNTT 18,9%.

Mảng Công nghệ 7T25 tiếp tục là động lực chính với doanh thu 23.543 tỷ đồng (+11,4% svck) và LNTT 3.288 tỷ đồng (+14,4% svck), biên lợi nhuận 14%. Tuy nhiên, tăng trưởng dịch vụ CNTT nước ngoài chững lại do trì hoãn chi tiêu liên quan đến thuế quan và các hợp đồng quy mô nhỏ giảm đi khi khách hàng ưu tiên tiết kiệm chi phí nhờ sử dụng AI. APAC (đặc biệt Singapore, Hàn Quốc) ghi nhận mức giảm tốc rõ nét. Triển vọng tăng trưởng đang yếu dần, tương đồng với xu hướng chậm lại có tính cấu trúc ở các doanh nghiệp IT Ấn Độ.

Viễn thông 7T25 đạt doanh thu 10.984 tỷ đồng (+12,9% svck) và LNTT 2.473 tỷ đồng (+19,9% svck), biên lợi nhuận 22,5%. FPT đang mở rộng năng lực hạ tầng, với trung tâm dữ liệu chuẩn LEED tại Quận 9 (dự kiến 2H25) bổ sung thêm 3.600 racks, nâng tổng công suất từ mức 3.400 racks hiện tại.

Giáo dục, Đầu tư & Khác 7T25 đạt doanh thu 3.565 tỷ đồng (+5,5% svck) và LNTT 1.434 tỷ đồng (+26,1% svck), biên lợi nhuận cao 40,2%. Mảng giáo dục sẽ mở rộng mạnh nhờ khu phức hợp Huế (20.000 sinh viên, dự kiến vận hành 2026). Công trình đã gần hoàn thiện và đang chuẩn bị vận hành.

Tổng nợ phải trả tăng 5.453 tỷ đồng (+15% so với đầu năm) lên 41.725 tỷ đồng, tương ứng 1,05 lần vốn chủ và chiếm 51,1% tổng tài sản. **Đáng chú ý, nợ vay và thuê tài chính dài hạn tăng thêm 2.239 tỷ đồng lên 2.740 tỷ đồng (+22,3% so với đầu năm)**, phản ánh việc FPT tiếp tục đẩy mạnh đầu tư các dự án hạ tầng.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 117.048 đồng/cp**. Dù 2H25 có thể hưởng lợi từ chi tiêu CNTT hồi phục và mùa vụ tuyển sinh, rủi ro thuế quan có thể kéo dài tình trạng chững lại khi doanh nghiệp và người tiêu dùng toàn cầu chuyển sang chế độ phòng thủ. Dự báo cả năm 2025, FPT đạt doanh thu 72.952 tỷ đồng (+16,1% svck) và LNTT 13.134 tỷ đồng (+18,6% svck). Sau nửa đầu 2025 trầm lắng, mảng Dịch vụ CNTT Toàn cầu đã cho thấy dấu hiệu hồi phục trong tháng 7 với giá trị hợp đồng ký mới cải thiện, cho thấy khách hàng bắt đầu khởi động lại ngân sách công nghệ sau giai đoạn bất định về thuế quan.

FY (Dec. 31)	2023	2024	2025F	2026F	2027F
Doanh thu (tỷ)	52,618	62,849	72,952	86,203	101,763
LNHD (tỷ)	8,452	10,508	11,417	13,534	16,028
Biên LNHD (%)	16.1	16.7	15.7	15.7	15.8
LNST (tỷ)	6,465	7,857	9,259	10,670	12,480
EPS (VND)	4,648	4,877	5,001	5,762	6,740
ROE (%)	28.1	28.7	28.4	27.5	27.2
P/E (x)	19.7	18.8	18.5	16.0	13.7
P/B (x)	5.1	5.0	4.8	4.1	3.4
Tổng tài sản (tỷ)	60,283	72,000	82,804	93,953	107,445
Tổng VCSH (tỷ)	24,974	29,794	35,514	42,104	49,813

Lưu ý: "LNST" là lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ.

Nguồn: Dữ liệu công ty, Phòng Phân tích CTCK Mirae Asset Việt Nam

Please see analyst certifications and important disclosures & disclaimers in Appendix 1 at the end of the report.

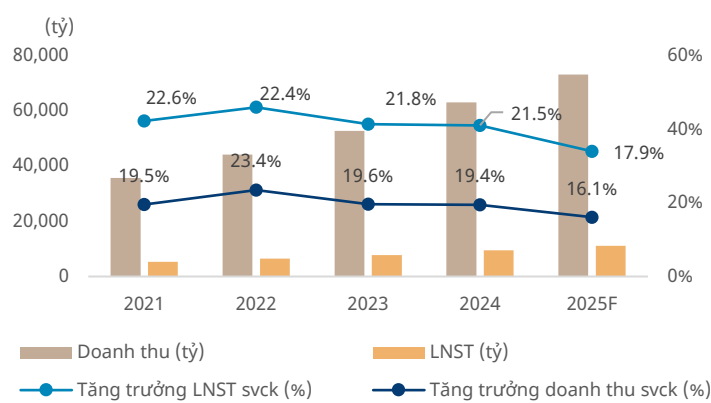
Tổng quan KQKD 6T25 của FPT

Bảng 1. KQKD 6T25	6T25	6T24	YoY	2Q25	2Q24	YoY
Doanh thu	32,683	29,338	11.4%	16,625	15,245	9.1%
Giá vốn (COGS)	20,360	18,176	12.0%	10,604	9,594	10.5%
Lợi nhuận gộp	12,322	11,162	10.4%	6,021	5,651	6.5%
Chi phí bán hàng	3,619	2,957	22.4%	1,790	1,588	12.7%
Chi phí QLDN	3,791	3,536	7.2%	1,914	1,713	11.7%
Lợi nhuận hoạt động (EBIT)	4,912	4,669	5.2%	2,317	2,350	-1.4%
EBITDA	5,949	5,693	4.5%	2,836	2,866	-1.0%
LN tài chính	968	354	173.0%	706	231	205.6%
LN khác	42	47	-8.8%	12	29	-58.6%
LN từ công ty liên doanh/liên kết	243	133	83.0%	107	59	81.4%
Lợi nhuận trước thuế (PBT)	6,166	5,202	18.5%	3,141	2,669	17.7%
Thuế TNDN	830	755	10.0%	401	381	5.2%
Lợi nhuận sau thuế	5,336	4,448	20.0%	2,740	2,288	19.8%
Lợi ích CĐ thiểu số	904	771	17.2%	483	409	18.1%
LNST thuộc CĐ mẹ (NPATMI)	4,432	3,677	20.5%	2,257	1,878	20.2%
Biên lợi nhuận						
Biên LN gộp (%)	37.7%	38.0%	▼	36.2%	37.1%	▼
CP bán hàng/Doanh thu (%)	11.1%	10.1%	▲	10.8%	10.4%	▲
CP QLDN/Doanh thu (%)	11.6%	12.1%	▼	11.5%	11.2%	▲
SG&A/Doanh thu: (%)	22.7%	22.1%	▲	22.3%	21.7%	▲
Biên EBIT (%)	15.0%	15.9%	▼	13.9%	15.4%	▼
Biên LNTT (%)	18.9%	17.7%	▲	18.9%	17.5%	▲
Biên LNST (%)	13.6%	12.5%	▲	13.6%	12.3%	▲

Nguồn: FPT, Mirae Research

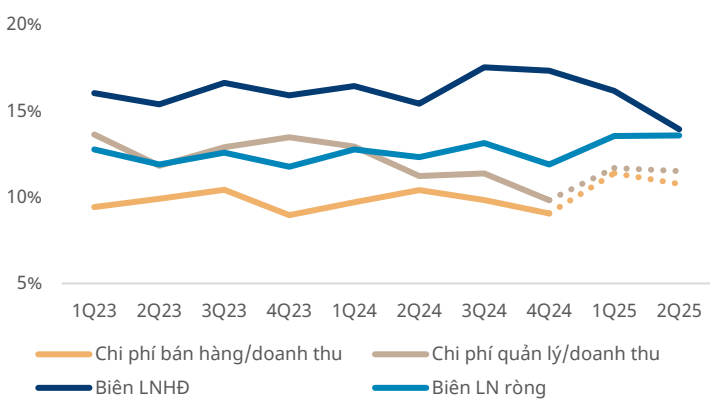
EBIT chịu áp lực do doanh thu tăng chậm; các nguồn thu nhập khác hỗ trợ biên lợi nhuận ròng: EBIT của FPT trong 6T25 chịu sức ép khi chi phí SG&A tăng chiếm 22,7% (+0,6 điểm%) tỷ trọng trên doanh thu. Điều này làm biên EBIT giảm từ 15,9% xuống 15% và biên EBITDA từ 19,4% xuống 18,8%, dù biên gộp chỉ giảm nhẹ xuống 37,7%. Doanh thu thuần tăng 11,4% lên 32.683 tỷ đồng, nhưng tăng trưởng LNTT (+18,5% lên 6.166 tỷ) chủ yếu nhờ lãi tài chính (+173% lên 968 tỷ) và lợi nhuận liên doanh (+83% lên 243 tỷ), bù đắp phần suy giảm của thu nhập khác (-81,6%).

Hình 1. KQKD hàng năm (2021-2025F)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 2. Chi phí SG&A gia tăng gây áp lực lên biên LNHD



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

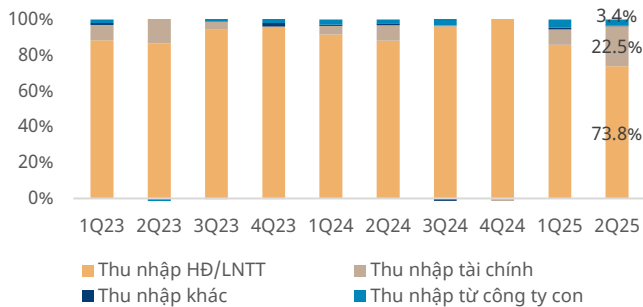
Thu nhập tài chính cải thiện từ nhiều nguồn

Trong 6T25, thu nhập tài chính ròng tăng mạnh 173% svck, đạt 968 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi lãi tiền gửi (+62% svck), lãi chênh lệch tỷ giá (+254% svck), và cổ tức/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết (+119% svck). Lãi chênh lệch tỷ giá tăng mạnh phản ánh sự mất giá của VND so với USD/JPY, qua đó hỗ trợ doanh thu từ thị trường nước ngoài của FPT. Với mô hình xuất hóa đơn bằng USD và chi phí chủ yếu bằng VND, việc VND tiếp tục suy yếu giúp cải thiện biên lợi nhuận ngay cả khi sản lượng không tăng.

Bảng 2. Lợi nhuận tài chính 6T25	6T25 (VNDbn)	6T24 (VNDbn)	YoY change
Lãi tiền gửi, cho vay	402	248	▲62%
Lãi chênh lệch tỷ giá	500	141	▲254%
Cổ tức và lợi nhuận được chia	209	95	▲119%
Dự phòng giảm giá đầu tư	(238)	(124)	▲91%
Thu nhập tài chính khác (ròng)	94	-5.4	▼-1834%
Tổng cộng	968	354	▲173%

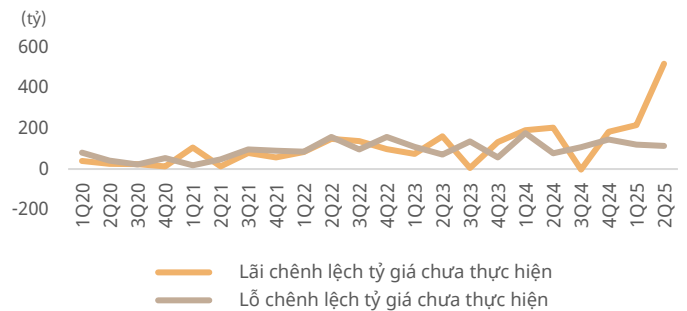
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 3. Thu nhập tài chính đóng góp thêm vào tổng thu nhập



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 4. Doanh thu ngoại tệ tăng khi tiền đồng mất giá



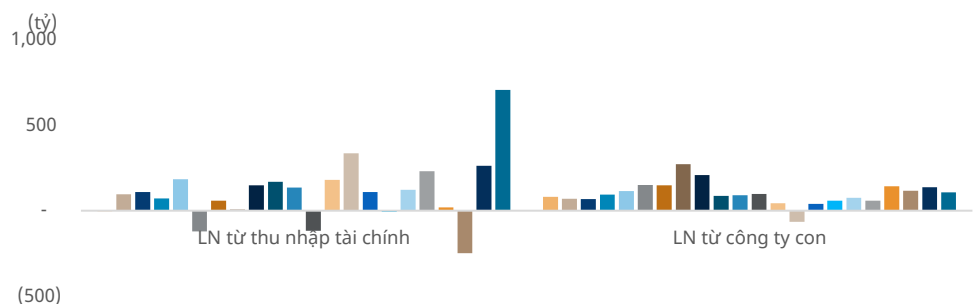
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Thu nhập từ các công ty con hồi phục mạnh

FRT và Synnex FPT tiếp tục là các động lực lợi nhuận chủ chốt của FPT. Lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết của FPT trong 6T25 tăng mạnh 83% YoY, đạt 243 tỷ đồng (so với 133 tỷ đồng trong 6T24), riêng 2Q25 đóng góp 107 tỷ đồng, tăng 82% YoY.

FRT (FPT Retail; FPT sở hữu 46,5%) ghi nhận lợi nhuận 369 tỷ đồng trong 6T25 (+653% so với 49 tỷ đồng trong 6T24; hoàn thành 41% kế hoạch năm). Chuỗi nhà thuốc Long Châu tiếp tục là nguồn đóng góp doanh thu chính, đạt 16,1 nghìn tỷ đồng (+40% YoY), chiếm 70% doanh thu của FRT trong 6T25. FPT Shop (điện tử, CNTT & dịch vụ) đạt 7,1 nghìn tỷ đồng doanh thu (30% tổng doanh thu; +3% YoY). Mặc dù mảng bán lẻ điện tử chậm lại, FPT Retail vẫn mở thêm 248 nhà thuốc mới, nâng tổng điểm bán lên 2.191 trong 6 tháng.

Hình 5. Thu nhập hàng quý từ hai nguồn tài chính và công ty con (Q1/2020 - Q2/2025)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

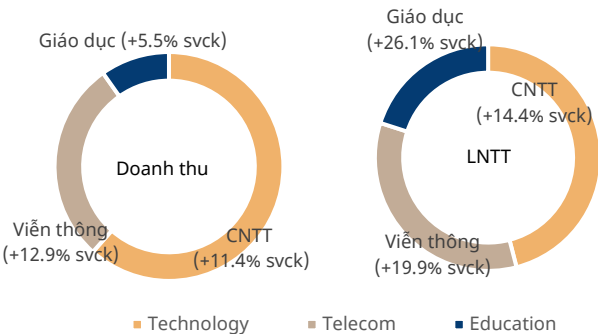
FPT điều chỉnh kế hoạch tại buổi họp phân tích 6T25

Trong T8/2025, FPT đã điều chỉnh kịch bản tăng trưởng cơ sở, đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 15% YoY và lợi nhuận 18–19% YoY, thấp hơn so với kế hoạch tại ĐHĐCĐ (20% và 21%). Tính đến tháng 7/2025, FPT ghi nhận doanh thu 38.091 tỷ đồng (+11,2% YoY) và lợi nhuận trước thuế 7.196 tỷ đồng (+18,4% YoY).

Bảng 3. Doanh thu, tăng trưởng LNTT và biên lợi nhuận 7T25					
Doanh thu	7T25 (tỷ đồng)	Tăng trưởng YoY	%doanh thu	Biên LNTT	7M25
FPT	38,092	▲ 11.4%	100%	FPT	18.9%
Công nghệ	23,543	▲ 11.4%	62%	Công nghệ	14.0%
Viễn thông	10,984	▲ 12.9%	29%	Viễn thông	22.5%
Giáo dục	3,565	▲ 5.5%	9%	Giáo dục	40.2%
LNTT			%LNTT		
FPT	7,196	▲ 18.4%	100%		
Công nghệ	3,288	▲ 14.4%	46%		
Viễn thông	2,473	▲ 19.9%	34%		
Giáo dục	1,434	▲ 26.1%	20%		

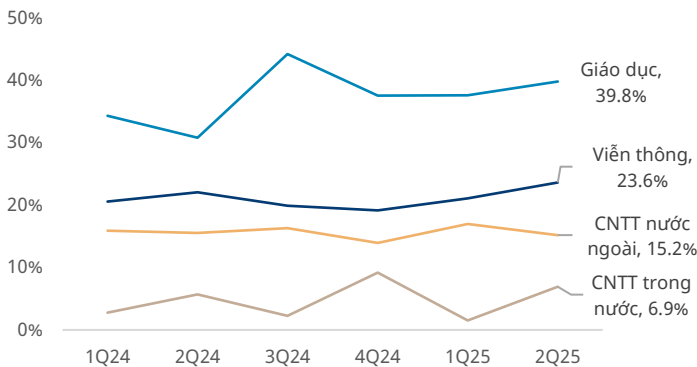
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 6. Cơ cấu tỷ trọng doanh thu và LNTT (7T25)



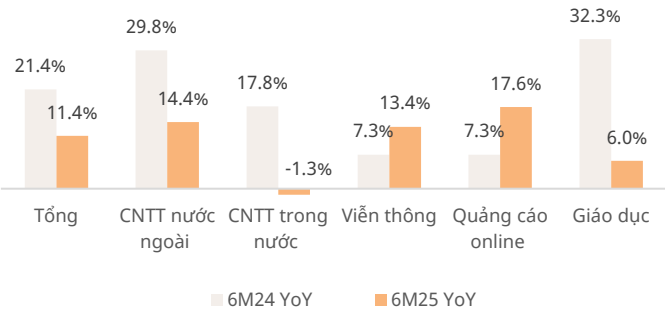
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 7. Biên LNTT 6T25 theo từng mảng kinh doanh



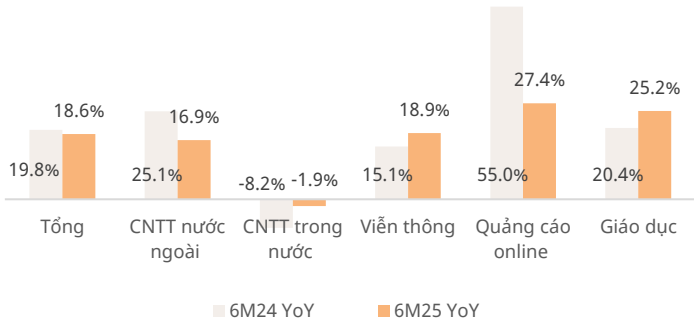
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 8. Tốc độ tăng trưởng doanh thu theo mảng (6T25)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 9. Tốc độ tăng trưởng LNTT theo mảng (6T25)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Mảng công nghệ: Triển vọng còn gặp nhiều trở ngại

Mảng CNTT toàn cầu và trong nước ghi nhận phục hồi nhẹ trong 7T25

Tính đến 7T2025, doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu của FPT tăng 13,6% YoY, đạt 19.541 tỷ đồng, trong khi LNTT tăng 14,8% YoY lên 3.121 tỷ đồng (biên LNTT: 16%). Doanh thu chuyển đổi số tiếp tục là động lực chính, tăng 19,6% YoY lên 9.212 tỷ đồng.

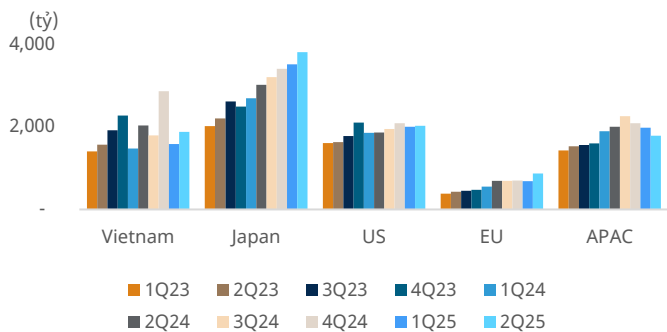
Giá trị hợp đồng ký mới đạt 23.730 tỷ đồng, tăng 7,7% YoY, riêng tháng 7 ghi nhận mức tăng 27% YoY. Điều này cho thấy đà phục hồi đã được cải thiện bất chấp sự bất định từ thuế quan trong hai quý đầu năm. Ban lãnh đạo chưa khẳng định 2Q25 là đáy, nhưng nhấn mạnh sự phục hồi hợp đồng trong tháng 7 và kỳ vọng xu hướng cải thiện trong 2H25.

Mảng CNTT trong nước quay lại tăng trưởng dương trong 7T25, sau khi suy giảm trong 6T25 (doanh thu -1,3% YoY, LNTT -2,4%), nhờ nhu cầu chuyển đổi số từ khu vực công, ngân hàng – tài chính, và các doanh nghiệp nhà nước lớn.

Nguyên nhân chính khiến doanh thu tăng chậm đến từ sự suy yếu của mảng CNTT nước ngoài trong 2Q25, khi ban lãnh đạo cho biết: (1) Các dự án CNTT của khách hàng bị chậm do yếu tố thuế quan. (2) Quy mô hợp đồng nhỏ giảm đi khi khách hàng tận dụng công nghệ AI để giải quyết các công việc có thể thay thế lao động.

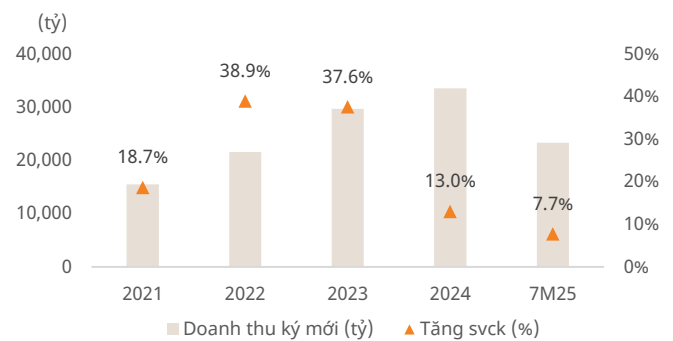
Khu vực APAC — đặc biệt là Singapore và Hàn Quốc — ghi nhận mức giảm tốc mạnh nhất.

Hình 10. Sự chậm lại của thị trường CNTT tại APAC và Việt Nam



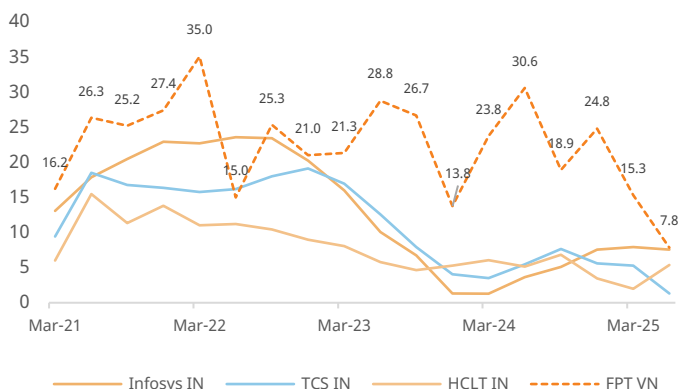
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 11. Doanh thu ký mới của FPT trong 6T25



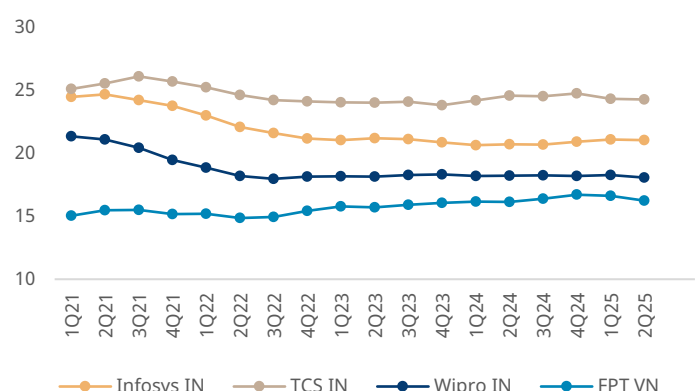
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 12. Tăng trưởng doanh thu của FPT giảm mạnh



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 13. Biên EBIT của FPT duy trì tương đối ổn định



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 4. KQKD 6T25 mảng CNTT						
	6T25 (VNDbn)	6T25 YoY	6T24 YoY		6T25 YoY	6T24 YoY
Doanh thu	20,128	▲ 11.3%	27.3%	Biên LNTT	▲ 14.1%	13.6%
CNTT nước ngoài	16,669	▲ 14.4%	29.8%	CNTT nước ngoài	▲ 16.1%	15.7%
CNTT trong nước	3,459	▼ -1.3%	17.8%	CNTT trong nước	4.5%	4.5%
LNTT	2,834	▲ 15.6%	22.2%			
CNTT nước ngoài	2,681	▲ 16.9%	25.1%			
CNTT trong nước	154	▼ -1.9%	-8.2%			

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Tác động hiện tại của AI đến mảng Công nghệ của FPT

Doanh thu từ dịch vụ GPU-as-a-Service (GPUaaS) chưa đạt kỳ vọng: nhà máy AI tại Nhật hiện được ghi nhận trong mảng dịch vụ CNTT nước ngoài. Trong khi biên lợi nhuận hoạt động cốt lõi của mảng CNTT nước ngoài vẫn ổn định, biên lợi nhuận chung của phân khúc giảm 0,4 điểm % YoY trong 2Q25 do chi phí thuê trung tâm dữ liệu và khấu hao tăng, xuất phát từ tình trạng khai thác chưa hiệu quả của dự án nhà máy AI tại Nhật. Doanh thu liên quan đến dịch vụ AI-IT tăng mạnh 75% YoY, đạt 50 triệu USD trong 6T25, nhưng ban lãnh đạo cho biết mức sử dụng nhà máy AI tại cả Việt Nam và Nhật vẫn dưới 10% do nhu cầu yếu hơn dự kiến. Ban lãnh đạo thừa nhận rủi ro hụt thu 30-40 triệu USD đối với mảng nhà máy AI trong năm 2025, mặc dù kỳ vọng sẽ phục hồi vào năm 2026. Do đó, không có kế hoạch đầu tư thêm nhà máy AI mới trong năm 2025.

AI mang lại cho FPT cơ hội cung cấp các giải pháp cao cấp cho doanh nghiệp nhưng cũng đe dọa mô hình tính phí theo giờ khi nhu cầu nhân lực giảm. Các tập đoàn Ấn Độ như TCS và Infosys đã cắt giảm nhân sự — riêng TCS cắt 12.000 vị trí — do khách hàng chuyển ngân sách sang AI. Trong khi các dịch vụ thuê ngoài đơn giản đối mặt rủi ro, nhu cầu lại đang dịch chuyển sang các công việc có giá trị cao hơn như xây dựng mô hình AI, đòi hỏi dữ liệu sạch, năng lực GPU và bảo mật nghiêm ngặt. Đây là cơ hội để FPT định vị mình như một đối tác tích hợp AI đáng tin cậy. Nhân sự của FPT giảm 497 người trong 2Q25, với tái cơ cấu tập trung vào kỹ sư cao cấp và nhân sự trẻ có kỹ năng AI. Chúng tôi đánh giá việc tinh giản này hỗ trợ biên lợi nhuận.

Mảng Công nghệ tiếp tục triển khai chiến lược mở rộng thông qua M&A.

Bảng 5. Theo dõi hoạt động M&A của FPT				
STT	Năm	Công ty mục tiêu	Quốc gia/khu vực	Ghi chú
1	2014	RWE IT Slovakia	Slovakia/Germany	Thương vụ nền tảng của FPT để thâm nhập châu Âu
2	2018	Intellinet Consulting	USA	Công ty tư vấn số của Mỹ; quy mô thương vụ ước tính ~US\$30-50 triệu
3	2023	Intertec International	USA/Costa Rica/Colombia/Mexico	Dịch vụ CNTT gần biên giới (Nearshore), BPO; mở rộng vào Mỹ Latinh
4	2023	Cardinal Peak	USA	Mảng giá trị cao (IoT, kỹ thuật cao); định giá ước tính ~US\$25-40 triệu
5	2023	AOSIS	France	Nhà cung cấp SAP/BI; ước tính quy mô thương vụ (~US\$10-15 triệu); SAP, Cloud, BI, Data
6	2023	Landing AI	USA	Hợp tác chiến lược trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo
7	2024	Next Advanced Communications (NAC)	Japan	Thương vụ M&A đầu tiên tại Nhật; ~300 kỹ sư; quy mô ước tính ~US\$30-40 triệu; quan trọng để xây dựng uy tín tại thị trường Nhật
8	2025	David Lamm Consulting	Germany	Chuyên gia lĩnh vực tiện ích; thương vụ ước tính quy mô thấp trong 8 chữ số (~US\$10-20 triệu)

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Mảng viễn thông: ổn định giữa biến động

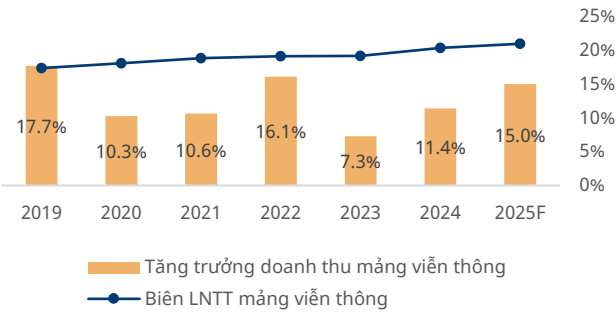
Bảng 6. KQKD 6T25 mảng viễn thông						
	6T25 (VNDbn)	6T25 YoY	6T24 YoY		6T25 YoY	6T24 YoY
Doanh thu	9,357	▲ 13.5%	7.3%	Biên LNTT	▲ 22.4%	21.3%
Viễn thông	9,030	▲ 13.4%	7.3%	Viễn thông	▲ 22.3%	21.3%
Nội dung số	327	▲ 17.6%	7.3%	Nội dung số	▲ 24.2%	22.3%
LNTT	2,096	▲ 19.2%	16.2%			
Viễn thông	2,017	▲ 18.9%	15.1%			
Nội dung số	79	▲ 27.4%	55.0%			

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Tiến độ hoàn thành trung tâm dữ liệu

- Công suất trung tâm dữ liệu hiện tại của FPT đạt 8.000 m² với 3.400 rack. Dự án trung tâm dữ liệu Quận 9 (10.000 m²) bị chậm tiến độ sẽ bổ sung thêm 3.600 rack và dự kiến hoàn thành trong 2H25, với giá trị xây dựng dở dang tăng 31% YoY lên 331 tỷ đồng. Bên cạnh đó, TP.HCM đã tiếp nhận đề xuất đầu tư trung tâm dữ liệu trị giá 2 tỷ USD từ liên danh gồm G42 (Quỹ đầu tư quốc gia UAE & Microsoft), FPT, VinaCapital và Việt Thái.
- Ngày 16/7/2025, Bộ Công an đã nhận chuyển nhượng 50,2% cổ phần tại FPT Telecom từ SCIC, qua đó FPT còn nắm giữ 45,7% và duy trì quyền kiểm soát hoạt động. Dù việc hợp nhất báo cáo tài chính vẫn chưa chắc chắn, ban lãnh đạo kỳ vọng sẽ giữ nguyên tỷ lệ sở hữu và mở ra cơ hội tham gia các dự án chính phủ mới cho FPT Telecom.

Hình 14. Tăng trưởng doanh thu và biên lợi nhuận mảng Viễn thông theo năm (%)



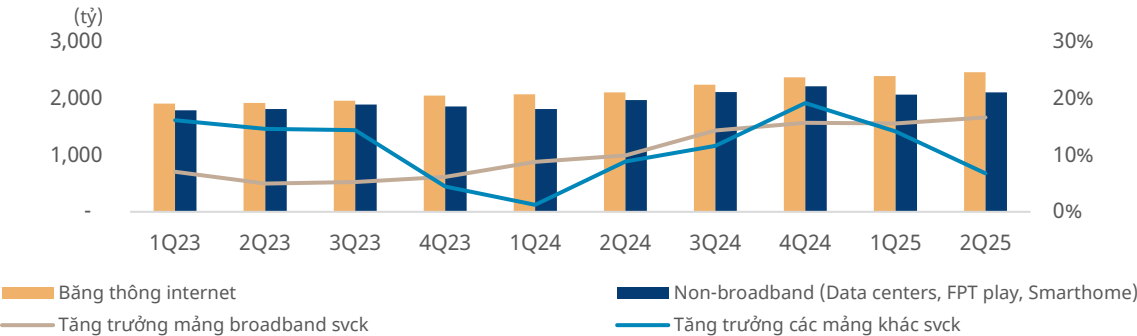
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 15. Các dự án đang triển khai của FOX (FPT Telecom)

	6T25 (tỷ)	6T24 (tỷ)	Thay đổi (svck%)
Trung tâm dữ liệu tại Quận 9	334	255	31%
Dự án hạ tầng viễn thông Bắc - Nam	4	5	-17.1%
Tòa nhà FPT Telecom Quận 7	18	18	0.3%
Các dự án hạ tầng viễn thông (*)	116	111	4.3%
Tổng cộng	473	390	21.3%

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 16. Tăng trưởng doanh thu các mảng Viễn thông theo quý (%)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Giáo dục FPT: Mở rộng quy mô, nâng tầm hợp tác quốc tế và chuẩn bị tăng trưởng dài hạn

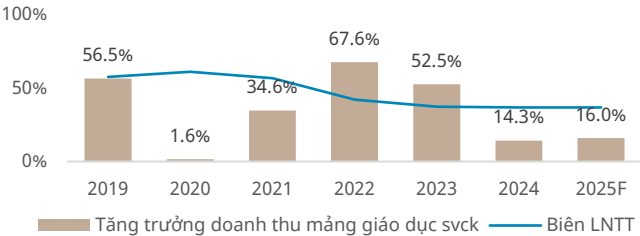
Bảng 7. KQKD 6T25 mảng giáo dục					
	6T25 (VNDbn)	6T25 YoY	6T24 YoY		6T25 YoY
Doanh thu	3,198	6.0%	32.3%	Biên LNTT	▲ 38.6%
LNTT	1,236	▲ 25.2%	20.4%		32.7%

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Khu phức hợp Giáo dục FPT Huế tiến gần đến vận hành trong 2H25

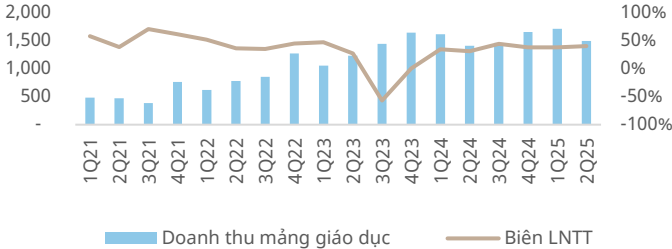
- FPT đặt mục tiêu tăng trưởng 30% YoY về số lượng học viên mới trong năm 2025, với tuyển sinh K-12 đã tăng trên 25% YoY. ARPU dự kiến duy trì ổn định trong ngắn hạn và sẽ tăng dần khi các chương trình K-12 và đại học có mức học phí cao hơn được mở rộng.
- Khu phức hợp giáo dục Huế sắp vận hành (quy mô 20.000 học viên, dự kiến hoạt động từ 2026) cùng với trường THPT Sóc Trăng (khai trương giai đoạn 2025-26) có thể đóng góp >500 tỷ đồng doanh thu hàng năm khi đạt 70-80% công suất, dựa trên mức ước tính doanh thu mỗi học sinh hiện tại. Tuy nhiên, quá trình khai thác tối đa sẽ cần thời gian, phản ánh chu kỳ tuyển sinh.
- Ngày 12/8/2025, Trường Đại học FPT đã ký kết hợp tác với Đại học Gachon (Hàn Quốc) nhằm đào tạo và trao đổi nhân lực trong lĩnh vực bán dẫn.

Hình 17. Doanh thu và biên lợi nhuận mảng Giáo dục theo năm



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 89. Doanh thu và biên LNTT mảng Giáo dục theo quý



Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 19. Tổ hợp giáo dục tại Huế dự kiến hoạt động 2026



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 20. Mạng lưới giáo dục của FPT

Vị trí	Khai thác	Loại hình	Quy mô GFA	Quy mô học sinh	Tình trạng
Hà Nội (Hoa Lạc)	2006	Đại học + Trung học	280,000 (land) / 11,065 (GFA)	20,000	Hoạt động
Da Nang	2017	Đại học + Trung học	51,000	5,000	Hoạt động
Cần Thơ	2019	Đại học + Trung học	N/A	5,000+	Hoạt động
Quy Nhơn	2022	Đại học + Trung học	23,000	2,400	Hoạt động
Hồ Chí Minh	2020	Đại học	22,500	20,000+	Hoạt động
Hà Nội (Cầu Giấy)	2013	K-12 Trung học	N/A	2,000	Hoạt động
Nghệ An (Vinh)	2024	K-12 Trung học	27,000	3,000	Hoạt động
Quy Nhơn (Bình Định)	2025	K-12 Trung học	23,000	2,400	Xây dựng
Huế	2025	Đại học + Trung học	86,800	Up to 20,000	Hoạt động trong 2H25
Sóc Trăng	2025	K-12 Trung học	15,000	1,500-2,160	Hoạt động trong 2H25

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Dự báo & định giá

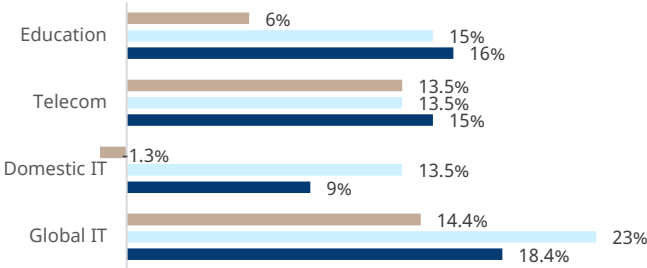
Điều chỉnh ước tính doanh thu

(Tỷ đồng)	Ước tính cũ		Ước tính điều chỉnh		Thay đổi (%)		Kế hoạch tập đoàn	Consensus
	FY25F	FY26F	FY25F	FY26F	FY25F	FY26F		
Doanh thu	74,366	87,616	72,952	86,203	-1.9%	-1.6%	75,400	75,355
LN hoạt động	12,122	14,106	11,417	13,534				
Biên LNHD (%)	16.3%	16.1%	15.7%	15.7%				
LNST thuộc CĐ mẹ	9,329	10,752	9,259	10,670	-0.7%	-0.7%	9,444	9,689

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 21. Doanh thu mảng CNTT được điều chỉnh giảm

(tăng trưởng %doanh thu svck)

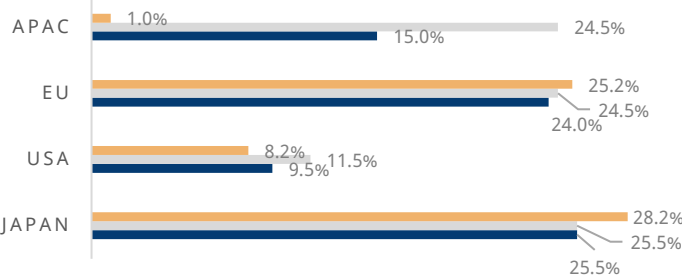


■ kết quả thực tế (6M25) ■ dự phóng cũ (1Q25) ■ dự phóng điều chỉnh (2Q25)

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 22. Dự báo doanh thu điều chỉnh theo khu vực

(Tăng trưởng doanh thu svck%)

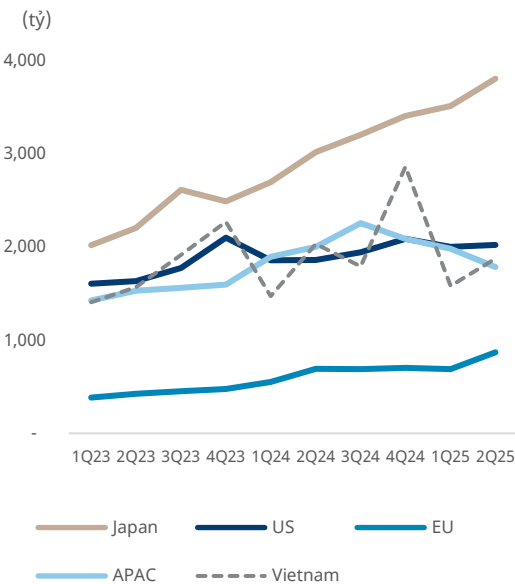


■ kết quả thực tế (6M25) ■ dự phóng cũ (1Q25) ■ dự phóng điều chỉnh (2Q25)

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Dự báo tăng trưởng doanh thu (% YoY) – Thị trường CNTT toàn cầu

Hình 23. Doanh thu tăng trưởng mạnh tại Nhật Bản & EU, trong khi APAC và thị trường nội địa chậm lại trong 6T25

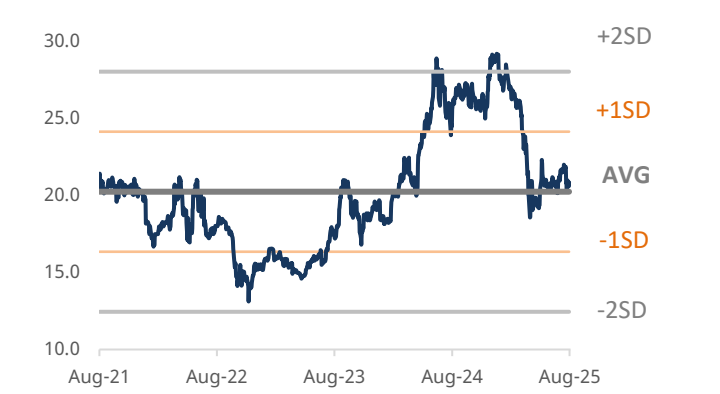


Dự báo tăng trưởng doanh thu svck

Thị trường (%tỷ trọng DT mảng CNTT)	2023	2024	2025F	Ghi chú
• Nhật Bản (36%)	27%	32.2%	25.5%	▪ Lực lượng lao động già hóa & thiếu hụt nhân sự CNTT, tăng trưởng kinh tế ổn định (+1,3% GDP 2025F); đồng yên yếu hỗ trợ tăng trưởng thị trường Nhật. ▪ Quan hệ hợp tác sâu rộng với Sumitomo tạo nền tảng hợp đồng nhiều năm.
• Mỹ (20%)	8.6%	8.9%	9.5%	▪ Tăng trưởng chi tiêu CNTT chậm lại còn ~3-4% năm 2025 (so với 6% trước năm 2023) do lạm phát và rủi ro thuế quan. ▪ Việc Fed cắt giảm lãi suất trong 2H25 có thể khôi phục các dự án số
• EU (7.7%)	27.1%	51.8%	24%	▪ Thị trường phân mảnh cao, thuận lợi cho chiến lược M&A;
• APAC (18.7%)	66.2%	34.8%	15%	▪ Tăng trưởng GDP khu vực dự kiến giảm còn ~4,5% năm 2025 (so với 5,4% năm 2023) do tác động thuế quan.
• Việt Nam (17.2%)	4.6%	13.9%	9%	▪ Kết quả 6T25: -1,3% YoY do chi tiêu CNTT trong nước chậm lại.

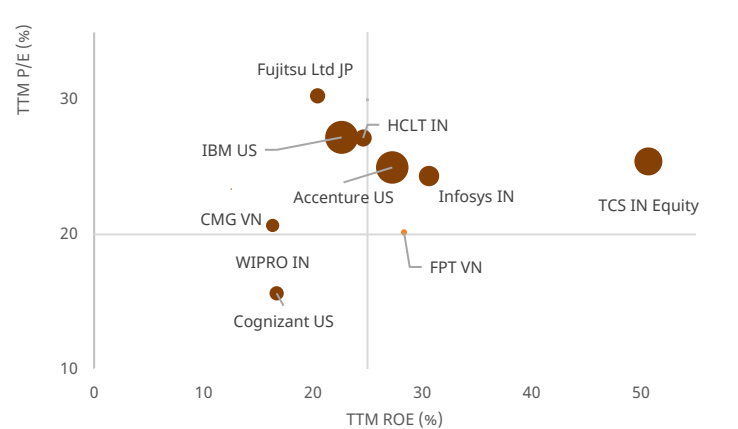
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 24. Định giá P/E 5 năm của FPT



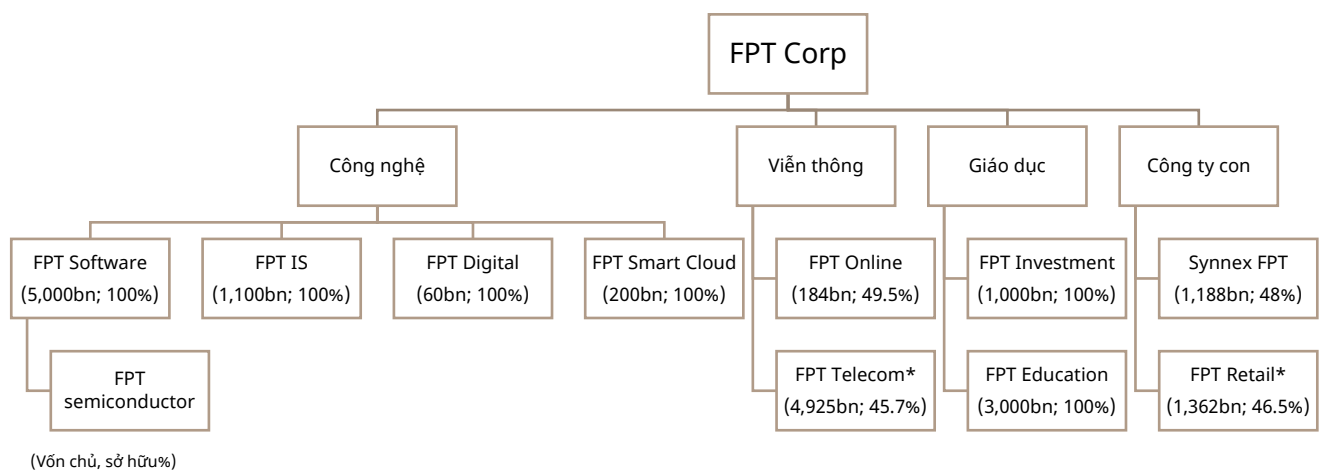
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 25. Định giá của FPT vẫn cạnh tranh khi so với toàn cầu



Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 26. Cấu trúc tập đoàn FPT



Nguồn: FPT, FPT Digital (HOSE: FOC), FPT Telecom (HOSE: FOX), FPT Retail (HOSE: FRT)

Hình 28. Kế hoạch so với thực tế thực hiện

FY	Doanh thu			LNTT			Biên LNTT & tăng trưởng	
	KH	Thực hiện	%chênh lệch	KH	Thực hiện	%chênh lệch	Biên LNTT	Tăng trưởng LNTT YoY%
2019	26,660	27,717	4.0%	4,460	4,665	4.6%	16.8%	20.9%
2020	32,450	29,830	-8.1%	5,510	5,263	-4.5%	17.6%	12.8%
2021	34,720	35,657	2.7%	6,210	6,337	2.0%	17.8%	20.4%
2022	42,420	44,010	3.7%	7,618	7,662	0.6%	17.4%	20.9%
2023	52,289	52,618	0.6%	9,055	9,203	1.6%	17.5%	20.1%
2024	61,850	62,849	1.6%	10,875	11,070	1.8%	17.6%	20.3%
2025F	75,400 (cũ) 71,130 (mới)			13,395 (cũ) 12,832 (mới)				

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

CTCP FPT (HOSE: FPT)

Báo cáo kết quả kinh doanh (Tóm tắt)

(Tỷ VND)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	52,618	62,849	72,952	86,203
Giá vốn hàng bán	32,298	39,150	45,566	53,412
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	27,386	32,792
Chi phí SG&A	11,868	13,190	16,122	18,879
Lợi nhuận HĐSXKD (điều chỉnh)	8,452	10,508	11,417	13,534
Lợi nhuận HĐSXKD	8,452	10,508	11,417	13,534
Thu nhập khác	751	561	1,717	1,885
Thu nhập tài chính	2,336	1,936	2,545	2,659
Chi phí tài chính	1,718	1,812	1,374	1,507
Thu nhập tài chính	618	124	1,170	1,152
Thu nhập khác	91	45	109	129
Thu nhập từ công ty con	42	393	438	603
Lợi nhuận trước thuế	9,203	11,070	13,134	15,419
Thuế TNDN	1,415	1,642	2,024	2,376
Lợi nhuận từ hoạt động thường xuyên	9,203	11,070	13,134	15,419
Lợi nhuận từ hoạt động không thường xuyên	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	7,788	9,427	11,110	13,043
Cổ đông công ty mẹ	6,465	7,857	9,259	10,670
Cổ đông thiểu số	1,323	1,571	1,851	2,373
LN trước thuế, lãi vay, khấu hao (EBITDA)	10,738	13,044	13,816	16,645
Biên LN gộp (%)	38.6%	37.7%	37.5%	38.0%
Biên EBITDA (%)	20.4%	20.8%	18.9%	19.3%
Biên LNHD (%)	16.1%	16.7%	15.7%	15.7%
Biên LN ròng (%)	14.8%	15.0%	15.2%	15.1%

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tóm tắt)

(Tỷ VND)	2023	2024	2025F	2026F
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	9,556	11,696	9,327	12,596
Lợi nhuận sau thuế	8,232	9,860	11,110	13,043
Trích lập	678	1,149	-	-
Thu nhập từ công ty con	-	-	(438)	(603)
Khấu hao	2,287	2,535	2,399	3,111
Thu nhập lãi thuần	1	(56)	-	-
Thay đổi trong vốn lưu động	(1,641)	(1,793)	(3,746)	(2,954)
Tăng/giảm phải thu	(1,163)	(1,914)	(1,117)	(2,117)
Tăng/giảm tồn kho	396	(265)	(694)	(462)
Tăng/giảm phải trả	1,380	2,876	41	597
Những điều chỉnh khác	(2,254)	(2,489)	(1,976)	(972)
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	(6,548)	(8,462)	(4,478)	(4,995)
Thay đổi trong tài sản hữu hình & vô hình	(3,949)	(3,261)	(5,541)	(6,034)
Thay đổi đầu tư công ty con	(1,659)	(1,058)	-	-
Thay đổi tài sản đầu tư tài chính	(3,078)	(5,673)	-	-
Cổ tức & thu nhập lãi	2,137	1,530	1,608	1,755
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	(1,168)	(2,198)	(447)	(3,797)
Tăng/giảm nợ phải trả	1,719	933	2,352	(572)
Thay đổi vốn chủ sở hữu	73	163	-	-
Cổ tức đã trả	(2,931)	(3,292)	(2,799)	(3,226)
Khác	(30)	(2)	-	-
Tăng/giảm tiền	1,839	1,036	4,401	3,805
Tiền mặt đầu kỳ	6,440	8,279	9,315	13,717
Tiền mặt cuối kỳ	8,279	9,315	13,717	17,521

Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research estimates

Bảng cân đối kế toán (Tóm tắt)

(Tỷ VND)	2023	2024	2025F	2026F
Tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	52,224	59,178
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	13,717	17,521
Khoản phải thu	8,145	9,917	11,034	13,151
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,551	3,013
Tài sản ngắn hạn khác	18,688	24,446	24,922	25,492
Tài sản dài hạn	23,577	26,464	30,580	34,775
Tài sản cố định ròng	12,382	12,775	16,792	19,660
Tài sản dở dang	1,315	2,560	2,516	2,602
Tài sản vô hình	1,257	2,040	1,197	1,166
Tài sản khác	8,619	9,088	10,063	11,334
Tổng tài sản	60,283	72,000	82,804	93,953
Nợ ngắn hạn	29,652	34,836	38,208	40,530
Khoản phải trả	2,603	4,424	4,448	4,829
Vay ngắn hạn	13,838	14,446	16,936	16,502
Nợ ngắn hạn khác	13,211	15,966	16,823	19,199
Nợ dài hạn	698	1,436	1,298	1,161
Nợ dài hạn	208	501	363	226
Nợ dài hạn khác	490	935	935	935
Tổng nợ	30,350	36,272	39,506	41,691
Vốn góp chủ sở hữu	12,700	14,711	16,616	18,076
Lợi nhuận giữ lại	8,674	11,031	14,567	19,377
Các khoản góp vốn khác	3,551	4,003	4,281	4,601
Cổ đông thiểu số	4,959	5,933	7,784	10,158
Vốn chủ sở hữu	29,883	35,678	43,248	52,212

Các chỉ số chính (Tóm tắt)

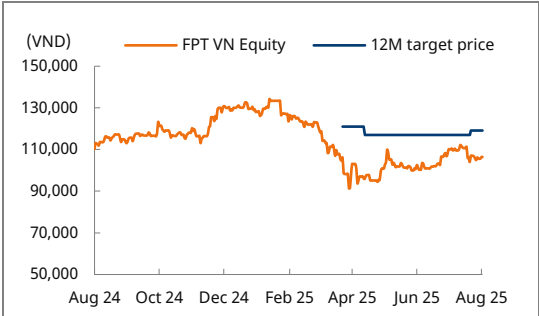
	2023	2024	2025F	2026F
P/E (x)	19.7	17.7	18.5	16.0
P/B (x)	5.1	5.0	4.8	4.1
EV/EBIT (x)	15.5	12.5	11.5	9.7
EV/EBITDA (x)	12.2	10.9	9.5	7.9
EPS (VND)	4,648	4,877	5,001	5,762
BPS (VND)	19,665	20,253	20,847	24,716
DPS (VND)	2,000	2,000	1,903	1,894
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	36.7%	30.2%	30.2%	30.2%
Tỷ suất cổ tức (%)	2.0%	2.2%	1.9%	1.9%
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6%	19.4%	16.1%	18.2%
Tăng trưởng EBITDA (%)	24.5%	21.5%	5.9%	20.5%
Tăng trưởng lợi nhuận hoạt động (%)	24.4%	24.3%	8.6%	18.5%
Tăng trưởng EPS (%)	5.2%	4.9%	2.5%	15.2%
Vòng quay tài sản (x)	0.9	1.0	0.9	1.0
Vòng quay khoản phải thu (x)	6.2	6.4	6.5	6.8
Vòng quay hàng tồn kho (x)	16.8	21.1	16.6	18.3
Vòng quay khoản phải trả (x)	11.1	11.1	11.4	11.5
ROA (%)	9.8%	10.9%	10.5%	10.6%
ROE (%)	28.1%	28.7%	28.4%	27.5%
ROIC (%)	23.4%	24.8%	23.9%	25.8%
Nợ vay/Vốn CSH (%)	121.5%	121.7%	111.2%	99.0%
Tỷ lệ thanh toán hiện thờ (%)	123.8%	130.7%	136.7%	146.0%
Nợ ròng/Vốn CSH (%)	-41.4%	-54.2%	-51.3%	-53.6%
Khả năng thanh toán lãi vay (x)	12.1	21.1	21.4	22.1

PHỤ LỤC

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

Công ty (mã cổ phiếu)	Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu
CTCP FPT	8/19/2025	Tăng tỷ trọng	117,048
CTCP FPT	04/23/2025	Mua	117,000
CTCP FPT	04/02/2025	Nắm giữ	121,000
CTCP FPT	5/6/2024	Tăng tỷ trọng	117,000



Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu

Mua : Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên
Tăng Tỷ Trọng: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên
Nắm Giữ : Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%
Bán : Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống

Thang đánh giá ngành

Tích Cực : Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Trung Tính : Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Tiêu Cực : Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu

* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
* Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
* Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào sang tiếng Anh từ tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.
Đối tượng tiếp nhận được nhắm đến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có kiến thức đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán, và không có việc cá nhân nào tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo này sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định hoặc đối tượng của MAS và các chi nhánh đối với các yêu cầu về đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.
Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện các giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ người nào và người đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của các khách hàng cá nhân. Báo cáo không được dựa vào để thay thế cho việc thực hiện phân quyết độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này là kể từ ngày của tài liệu này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ chúng có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là biểu thị cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.
MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích đã chuẩn bị chúng. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh của MAS và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ có thể có các vị trí dài hoặc ngắn trong bất kỳ chứng khoán chủ đề nào vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường mở hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên giao đại lý hoặc bên đại lý. MAS và các chi nhánh của nó có thể đã có, hoặc có thể mong đợi tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của tài liệu này có thể được sao chép hoặc tái tạo theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul) One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea Tel: 82-2-3774-2124	Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong Tel: 852-2845-6332	Mirae Asset Securities (UK) Ltd. 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom Tel: 44-20-7982-8000
Mirae Asset Securities (USA) Inc. 810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA Tel: 1-212-407-1000	Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc. 555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA Tel: 1-213-262-3807	Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil Tel: 55-11-2789-2100
PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia Equity Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53 Jakarta Selatan 12190 Indonesia Tel: 62-21-515-3281	Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd. 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore Tel: 65-6671-9845	Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia Tel: 976-7011-0806	Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd 2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699	Beijing Representative Office 2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
Shanghai Representative Office 38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China Tel: 86-21-5013-6392	Ho Chi Minh Representative Office 7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3910-7715	Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai - 400098 India Tel: 91-22-62661336